

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-TN&MT

Bình Lục, ngày tháng 7 năm 2024

V/v đơn đốc thực hiện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn của huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Thực hiện Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục yêu cầu:

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Rà soát, đơn đốc, gửi kèm Công văn này tới các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn có phát sinh nước thải công nghiệp kê khai phí một lần với tổ chức thu phí khi mới bắt đầu hoạt động (theo mẫu tại Phụ lục kèm theo) hoặc nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của tổ chức thu phí (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện).

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện) để xem xét, giải quyết.

2. Các cơ quan chuyên môn của huyện:

- Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện là cơ quan chủ trì, đơn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ trên theo quy định.

- Văn phòng HĐND-UBND huyện: Thực hiện đăng tải Công văn này kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải lên Cổng thông tin điện tử của huyện để tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn: Rà soát, kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp phát sinh theo hướng dẫn tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ, cụ thể:

* Đối với các cơ sở có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20m³/ngày:

- Mức phí áp dụng theo biểu sau:

STT	Lưu lượng nước thải bình quân (m ³ /ngày)	Mức phí (đồng/năm)
1	Từ 10 đến dưới 20	4.000.000
2	Từ 5 đến dưới 10	3.000.000
3	Dưới 5	2.500.000

- Kê khai phí một lần với tổ chức thu phí khi mới bắt đầu hoạt động (theo mẫu tại Phụ lục kèm theo), thời gian khai chậm nhất là ngày 20 tháng liền sau tháng bắt đầu hoạt động, nộp cùng với hồ sơ làm căn cứ để kê khai hàm lượng thông số ô nhiễm (như kết quả quan trắc, ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích) gửi về Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Tài nguyên và Môi trường). Trong quá trình kê khai có khó khăn vướng mắc, đề nghị liên hệ phòng Tài nguyên và Môi trường - SĐT: 0972.803.141 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện giải quyết.

- Nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của tổ chức thu phí (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện), thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm. Trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau ngày 31 tháng 3 hàng năm thực hiện nộp phí theo Thông báo của tổ chức thu phí (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện) với thời hạn như Thông báo đã đề cập.

* Đối với các cơ sở có lưu lượng nước thải trung bình trong năm tính phí trên 20m³/ngày:

a. Số phí phải nộp hàng quý tính theo công thức sau: $Fq = (f/4) + Cq$.

Trong đó:

- Fq là số phí phải nộp trong quý.

- f là mức phí cố định: 4.000.000 đồng/năm; trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau quý I, số phí phải nộp tính cho thời gian từ quý cơ sở bắt đầu hoạt động đến hết năm, mức phí cho 01 quý = $f/4$.

- Cq là phí biến đổi, tính theo: tổng lượng nước thải ra, hàm lượng thông số ô nhiễm của từng chất có trong nước thải và mức thu đối với mỗi chất theo biểu dưới đây:

Số TT	Thông số ô nhiễm tính phí	Mức phí (đồng/kg)
1	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	2.000
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	2.400
3	Thủy ngân (Hg)	20.000.000
4	Chì (Pb)	1.000.000
5	Arsenic (As)	2.000.000
6	Cadimium (Cd)	2.000.000

- Số phí biến đổi được tính cho từng thông số ô nhiễm theo công thức sau:

$$\text{Số phí phải nộp (đồng)} = \text{Tổng lượng nước thải thải vào nguồn tiếp nhận (m}^3\text{)} \times \text{Hàm lượng thông số ô nhiễm có trong nước thải (mg/l)} \times 0,001 \times \text{Mức thu phí của thông số ô nhiễm (đồng/kg)}$$

(Cách xác định số phí phải nộp theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 và Khoản 2 Điều 7 Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ)

b. Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí *(theo mẫu tại Phụ lục kèm theo)*, gửi về Ủy ban nhân dân huyện *(qua Phòng Tài nguyên và Môi trường)*. Nộp phí vào kho bạc Nhà nước huyện Bình Lục, tài khoản số 3511.0.1014431.00000, mã quan hệ ngân sách: 1014431 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Lục và gửi bản phô tô hóa đơn nộp tiền về Phòng Tài nguyên và Môi trường. Nộp bổ sung số phí phải nộp theo Thông báo của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện *(nếu có)* trong thời hạn như Thông báo đã đề cập.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan chuyên môn của huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nghiêm túc thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh *(để b/cáo)*;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện *(để b/cáo)*;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Định